



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11413/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2871  
Loại mẫu : Khí thải  
Thời gian lấy mẫu : 27/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 27/11/2025 - 19/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	
				KT	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1	Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> )	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=2,62)	500
2	Cacbon monoxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=1,14)	1.000
3	Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> )	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=0,188)	850
4	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm <sup>3</sup>	24	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT: Khí thải sau hệ thống lọc bụi tay áo.

Tọa độ: X= 1187764, Y= 410173

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11414/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trưng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2871  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 27/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 27/11/2025 - 19/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	
				NT1	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,6	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	TCVN 6625:2000	mg/L	724	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	TCVN 6001-1:2021	mg/L	3.301	300
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	6.970	500
5	Tổng Nito <sup>(a)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/L	752	60
6	Tổng Phospho <sup>(a)</sup>	TCVN 6202:2008	mg/L	28,5	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	18,4	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	63x10 <sup>3</sup>	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT1: Nước thải trước hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410176

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

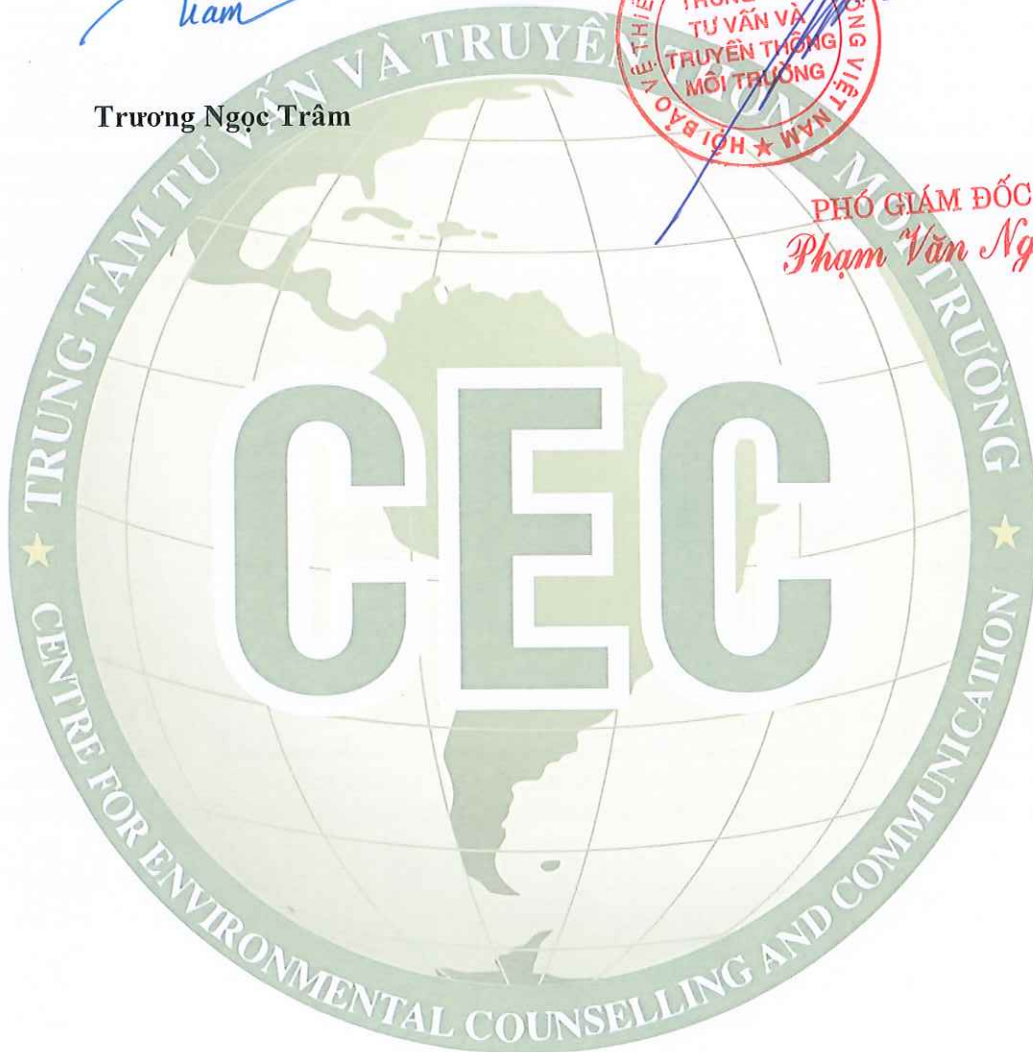
TL. GIÁM ĐỐC

*Nam*

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Ngọc*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11415/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2871  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 27/11/2025 Thời gian thử nghiệm : 27/11/2025 - 19/12/2025



Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	TCVN 6625:2000	mg/L	65	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	TCVN 6001-1:2021	mg/L	451	300
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	982	500
5	Tổng Nito <sup>(a)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/L	16	60
6	Tổng Phospho <sup>(a)</sup>	TCVN 6202:2008	mg/L	0,57	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	4,2	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	11x10 <sup>3</sup>	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410210

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

-(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

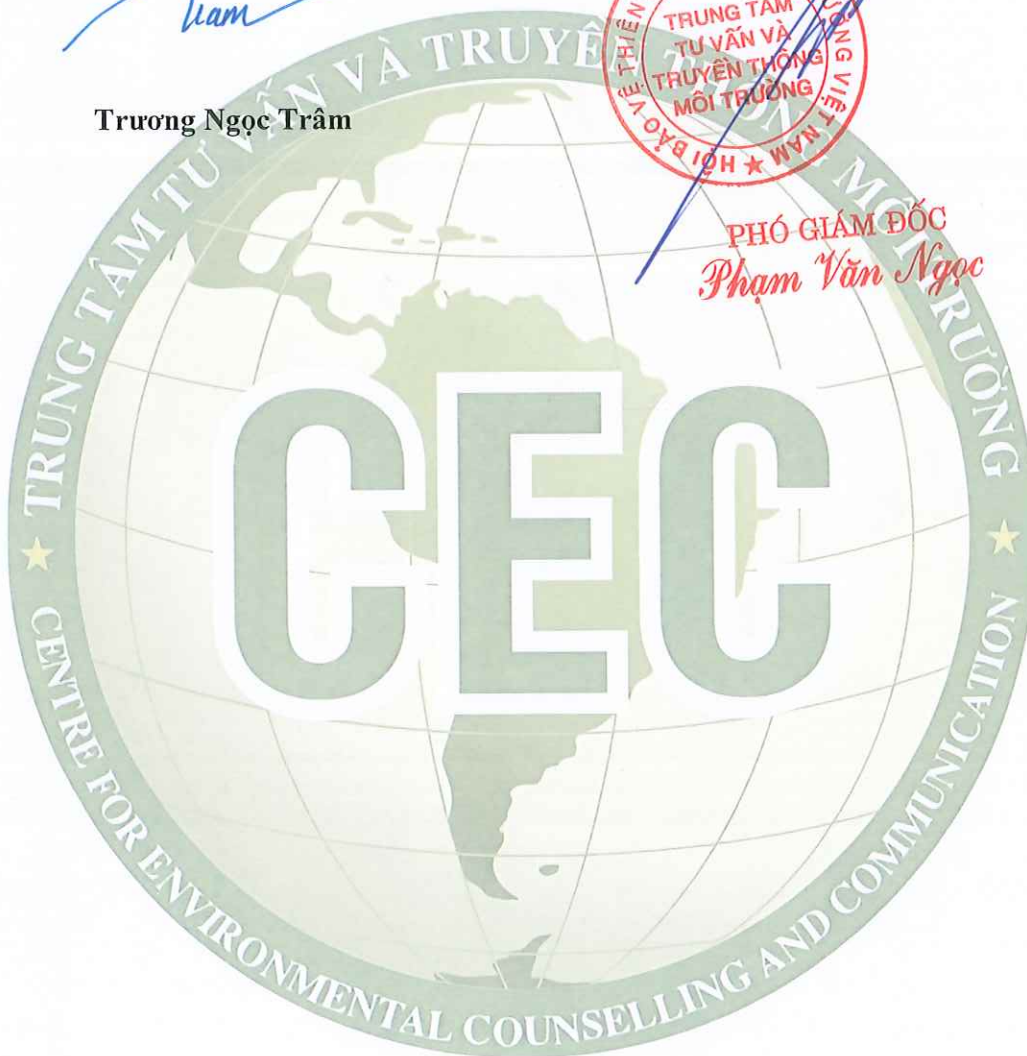
TL. GIÁM ĐỐC

*Nam*

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Ngọc*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





VIMCERT 208

# TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

## BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Mã đơn hàng: 25.2871



Hôm nay, vào hồi ...14. giờ ....30 phút, ngày ....27...tháng ...11... năm 20 25  
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam do CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH yêu cầu.

Các bên tham gia bao gồm:

### 1. Đại diện: CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tuấn Khanh Chức vụ: Nhân viên EHS

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

### 2. Đại diện: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

### 3. Đại diện: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

### 4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà) Đình Văn Chiến Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Đỗ Lê Thành Hưng Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Đức Hiếu Chức vụ: NVQT

Đại diện: Ông (bà) ..... Chức vụ: .....

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

### 5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:

.....HĐBT.....

### 6. Điều kiện khí hậu trong quan trình đo đạc, lấy mẫu:

.....Trời nắng.....

### 7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Thông số thực hiện	Ghi chú
1	KT	Khí thải sau hệ thống lọc bụi tay áo	X= 1187764 Y= 410173	Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> ), Cacbon monoxit (CO), Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ), Bụi tổng (PM)	
2	NT1	Nước thải trước hệ thống xử lý	X= 1187750 Y= 410176	pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Asen (As), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh  
ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

3	NT2	Nước thải <sup>Sau</sup> đầu ra hệ thống xử lý	X= 1187750	pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ), Nhu cầu oxy hóa học (COD), Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Asen (As), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform
			Y= 4102310	

**Phương pháp quan trắc, bảo quản mẫu: (xem phụ lục)**

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 21 giờ 30 phút, ngày 27/11/2015 và kết thúc vào 16 giờ 10 phút, ngày 27/11/2015

Đại diện đơn vị: **CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM** Đại diện đơn vị: **Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường**

(ký, ghi rõ họ tên)

*Đinh Nguyễn Tuấn Khanh*

Đại diện đơn

vi: .....

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

*Đinh Văn Chiến*

Đại diện đơn

vi: .....

(ký, ghi rõ họ tên)

VÀ MỘT  
TRUNG TÂM  
TƯ VẤN VÀ  
TRUYỀN THÔNG  
MÔI TRƯỜNG  
HỘI \* V





# TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

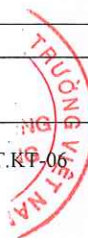
Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

## PHỤ LỤC

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước mặt	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Nước thải	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> pH TCVN 6492:2011 <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999-1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước dưới đất	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước biển	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 5998:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; ISO 5667-9:2015; TCVN 8880:2011
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007
Trầm tích	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012
Khi thải	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> Lưu huỳnh dioxit (SO <sub>2</sub> ) CEC.QTMT.KT-06 <input checked="" type="checkbox"/> Cacbon monoxit (CO) CEC.QTMT.KT-06 <input checked="" type="checkbox"/> Nitơ oxit (NO <sub>x</sub> ), (tính theo NO <sub>2</sub> ) CEC.QTMT.KT-06 Lấy mẫu <input checked="" type="checkbox"/> Bụi tổng (PM) EPA Method 5 <input checked="" type="checkbox"/>







TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11213/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠNH VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	
				KKXQ1	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	69,2	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	1,3	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	65,2	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	64	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	5.093	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	49	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	82	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ1: KKXQ Khu vực canteen.

Tọa độ: X= 1187745, Y= 410192

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11214/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠNH VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ2	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,5	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	69,1	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,4	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dB(A)	68,1	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	67	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	5.370	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	55	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	96	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ2: KKXQ Khu vực nhập liệu.

Tọa độ: X= 1187762, Y= 410184

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11215/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠNH VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KKXQ3	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	30,7	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	68,2	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	<0,4	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	65,9	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	69	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	5.556	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	54	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	123	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ3: KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm bột.

Tọa độ: X= 1187764, Y= 410177

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11216/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KKXQ4	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,5	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	63,6	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,4	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	61,3	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	65	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	5.421	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	50	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	94	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ4: KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm lỏng.

Tọa độ: X= 1187793; Y= 410166

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
- Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- "-": Không quy định
- KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11217/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ5	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,5	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	65,4	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,6	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	62,1	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	66	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	4.953	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	48	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	94	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ5: KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm waterbars.

Tọa độ: X= 1187805, Y= 410158

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11218/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT
				KKXQ6	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	31,8	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	63,2	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,5	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	59,1	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	69	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	4,673	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	47	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	76	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ6: KKXQ Khu vực kho trong xưởng.

Tọa độ: X= 1187821, Y= 410161

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11219/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ7	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	63,5	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,6	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dB(A)	58,1	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	77	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	5.514	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	62	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	82	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ7: KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm keo epoxy.

Tọa độ: X= 1187870, Y= 410121

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11220/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ8	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	32,4	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	65,1	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	0,5	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dB(A)	61,2	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	63	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	4.860	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	46	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	79	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ8: KKXQ Khu vực bồn chứa sản phẩm lỏng.

Tọa độ: X= 1187833, Y= 410134

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 11221/2025/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.2906  
Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Thời gian lấy mẫu : 01/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 01/12/2025 - 16/12/2025

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KKXQ9	Trung bình 1 giờ
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2022/BTNMT	°C	27,1	-
2	Độ ẩm	QCVN 46:2022/BTNMT	%	59,3	-
3	Tốc độ gió	QCVN 46:2022/BTNMT	m/s	<0,4	-
4	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2018	dBA	55,2	70 <sup>(1)</sup>
5	SO <sub>2</sub>	TCVN 5971:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	59	350
6	CO	CEC.PT.KK-05	µg/Nm <sup>3</sup>	4.587	30.000
7	NO <sub>2</sub>	TCVN 6137:2009	µg/Nm <sup>3</sup>	48	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm <sup>3</sup>	66	300
9	Formaldehyt	NIOSH Method 3500	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	20
10	Styrene	NIOSH Method 1501	µg/Nm <sup>3</sup>	KPH (MDL=5)	-

- Vị trí lấy mẫu:

- KKXQ9: KKXQ Khu vực văn phòng.

Tọa độ: X= 1187791, Y= 410204

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí

- Trung bình 1 giờ: Giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ

- <sup>(1)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Tiếng ồn

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

Trương Ngọc Trâm



PHÓ GIÁM ĐỐC  
Phạm Văn Ngọc

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





VIMCERT 208

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Mã đơn hàng: 25.2906

Hôm nay, vào hồi ... giờ 00 phút, ngày 01...tháng 12...năm 2025

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam do CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH yêu cầu.

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VN

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tuấn Khanh Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà) Lâm Minh Hải Chức vụ: N.V&T

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở: H.P.B.T

6. Điều kiện khí hậu trong quan trình đo đạc, lấy mẫu: Trời nắng

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Thông số thực hiện	Ghi chú
1	KKXQ1	KKXQ Khu vực canteen	X= 1187745	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
			Y= 410192		
2	KKXQ2	KKXQ Khu vực nhập liệu	X= 1187762	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
			Y= 410184		
3	KKXQ3	KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm bột	X= 1187764	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
			Y= 410177		



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

4	KKXQ4	KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm lỏng	X= 1187793 Y= 410166	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
5	KKXQ5	KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm waterbars	X= 1187805 Y= 410158	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
6	KKXQ6	KKXQ Khu vực kho trong xưởng	X= 1187821 Y= 410161	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
7	KKXQ7	KKXQ Khu vực sản xuất sản phẩm keo epoxy	X= 1187870 Y= 410121	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
8	KKXQ8	KKXQ Khu vực bồn chứa sản phẩm lỏng	X= 1187833 Y= 410134	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	
9	KKXQ9	KKXQ Khu vực văn phòng	X= 1187791 Y= 410204	Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Tiếng ồn, SO <sub>2</sub> , CO, NO <sub>2</sub> , Tổng bụi lơ lửng (TSP), Formaldehyt, Styrene	

**Phương pháp quan trắc, bảo quản mẫu: (xem phụ lục)**

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 8...giờ 00...phút, ngày 01/12/2025 và kết thúc vào 17...giờ 00...phút, ngày 01/12/2025

Đại diện đơn vị: Sika

Đại diện đơn vị: CEC

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

*Khánh*  
Nguyễn Tuấn Khánh

*B*  
Đinh Mạnh Hùng

Đại diện đơn vị:

Đại diện đơn vị:

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

PHỤ LỤC

Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
Nước mặt	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Nước thải	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999-1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước dưới đất	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước biển	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 5998:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; ISO 5667-9:2015; TCVN 8880:2011
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985, TCVN 7538-2:2005, TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007
Trầm tích	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-19:2015, TCVN 6663-15:2004
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015, TCVN 6663-15:2004
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012
Không khí xung quanh	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> Nhiệt độ QCVN 46:2022/BTNMT <input checked="" type="checkbox"/> Độ ẩm QCVN 46:2022/BTNMT <input checked="" type="checkbox"/> Tốc độ gió QCVN 46:2022/BTNMT <input checked="" type="checkbox"/> Tiếng ồn TCVN 7878-2:2018 <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu <input checked="" type="checkbox"/> SO <sub>2</sub> TCVN 5971:1995 <input checked="" type="checkbox"/> CO CEC.QTMT.KK-05 <input checked="" type="checkbox"/> NO <sub>2</sub> TCVN 6137:2009 <input checked="" type="checkbox"/> Tổng bụi lơ lửng (TSP) TCVN 5067:1995 <input checked="" type="checkbox"/> Formaldehyt US EPA Compendium Method IO <input checked="" type="checkbox"/> Styrene NIOSH Method 1501







TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00084/2026/PKQ

Khách hàng : CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH  
Địa chỉ : Số 222, đường Đồng Khởi, KP 1, Phường Trảng Dài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam  
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam  
Mã đơn hàng : 25.3139  
Loại mẫu : Nước thải  
Thời gian lấy mẫu : 22/12/2025 Thời gian thử nghiệm : 22/12/2025 - 05/01/2026



Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6 - 8
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	TCVN 6625:2000	mg/L	10	200
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	TCVN 6001-1:2021	mg/L	35	300
4	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	80	500
5	Tổng Nito <sup>(a)</sup>	TCVN 6638:2000	mg/L	6,5	60
6	Tổng Phospho <sup>(a)</sup>	TCVN 6202:2008	mg/L	KPH (MDL=0,02)	8
7	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0009)	0,01
8	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0004)	0,01
9	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,003)	0,5
10	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)	0,1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	1,9	5
12	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	2,2x10 <sup>3</sup>	-

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau hệ thống xử lý.

Tọa độ: X= 1187750, Y= 410210

- Quy định chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1:

- <sup>(a)</sup>: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG  
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Giảng Võ - TP. Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52, đường số 6, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

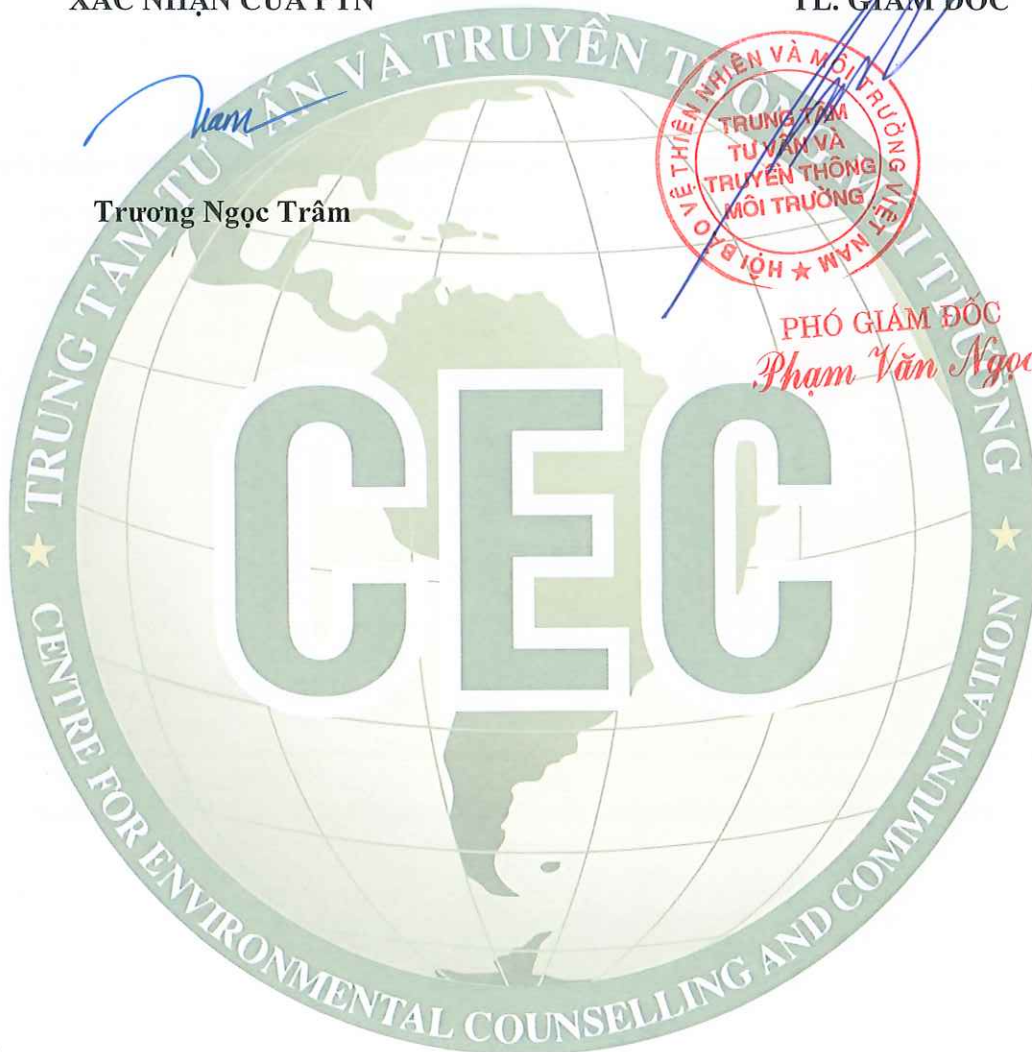
TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 01 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA PTN

TL. GIÁM ĐỐC

  
Trương Ngọc Trâm

  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
*Phạm Văn Ngọc*



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
3. "-": Không quy định
4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 16/07/2025





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội  
Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Mã đơn hàng: 25.3139



Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 12 năm 2015  
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại CÔNG TY SIKA HỮU HẠN VIỆT NAM - Đường số 10, Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 1, Xã Nhơn Trạch, Đồng Nai, Việt Nam do CÔNG TY TNHH ĐÔ THỊ XANH yêu cầu.

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty Sika Hữu Hạn Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Tuấn Khanh Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Văn An Chức vụ: GTV

Đại diện: Ông (bà) Nguyễn Quốc Duy Chức vụ: GTV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở: Hoạt động bình thường

6. Điều kiện khí hậu trong quan trình đo đạc, lấy mẫu: Trời nắng

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Thông số thực hiện	Ghi chú
1	NT2	Nước thải sau hệ thống xử lý	X= 1187750 Y= 410210	pH, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ), Nhu cầu oxi hóa học (COD), Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Thủy ngân (Hg), Cadimi (Cd), Chì (Pb), Asen (As), Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform	

Phương pháp quan trắc, bảo quản mẫu: (xem phụ lục)

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 08 giờ 00 phút, ngày 22/12/15 và kết thúc vào 08 giờ 30 phút, ngày 22/12/15



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn

VIMCERT 208

Đại diện đơn vị: .....  
Công ty Sika Hải Phòng Việt Nam  
(ký, ghi rõ họ tên)

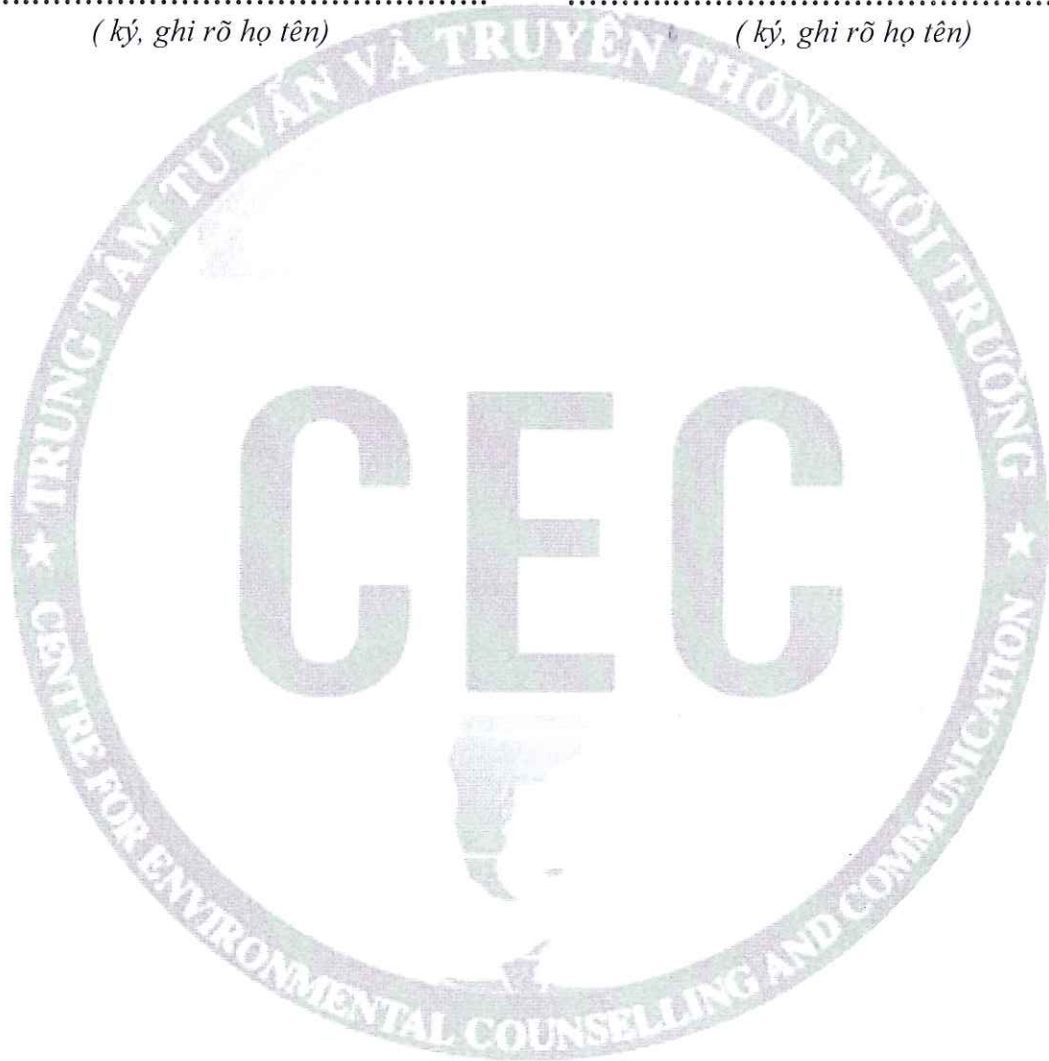
Thanh  
Nguyễn Tuấn Khanh

Đại diện đơn vị: .....  
Sika  
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị: .....  
CEC  
(ký, ghi rõ họ tên)

Amgannayst  
Nguyễn Tấn An.

Đại diện đơn vị: .....  
(ký, ghi rõ họ tên)





VIMCERT 208

**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG  
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – Phường Giảng Võ - Hà Nội

Địa chỉ PTN: 52 Đường số 6, Phường Long Trường, TP Hồ Chí Minh

ĐT : (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

**PHỤ LỤC**

<b>Loại mẫu</b>	<b>Phương pháp lấy mẫu</b>
Nước mặt	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-3:2016; TCVN 6663-6:2018; TCVN 6663-1:2011; TCVN 8880:2011
Nước thải	Đo tại hiện trường <input checked="" type="checkbox"/> pH TCVN 6492:2011 <input checked="" type="checkbox"/> Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999-1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước dưới đất	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-11:2011; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
Nước biển	Đo tại hiện trường Lấy mẫu <input type="checkbox"/> TCVN 5998:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-3:2016; ISO 5667-9:2015; TCVN 8880:2011
Đất	<input type="checkbox"/> TCVN 4046:1985; TCVN 7538-2:2005; TCVN 7538-1:2006; TCVN 7538-4:2007, TCVN 7538-5:2007
Trầm tích	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-19:2015; TCVN 6663-15:2004
Bùn thải	<input type="checkbox"/> TCVN 6663-13:2015; TCVN 6663-15:2004
Chất thải rắn	<input type="checkbox"/> TCVN 9466:2012

